

Bản án số: 694/2023/DS-PT
Ngày 28-9-2023
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 344/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 808/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2401/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Gregory MC D, sinh năm 1956. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Po B, P, NSW 2222, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà MC Dougall Phuong Y, sinh năm 1958. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Po B, P, NSW 2222, Australia. (văn bản ủy quyền lập ngày 26 tháng 9 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Ngọc H - Đoàn Luật sư Thành phố H. (*Có mặt*)

Địa chỉ: A L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1980. (*Vắng mặt*)

2. Ông Trần Tiến T1, sinh năm 1984. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Số F, đường B, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T1: Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: 5 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà MC Dougall Phuong Y1, sinh năm 1958. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Po B, P, NSW 2222, Australia.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm 1961. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Ông Đào Kim B, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: 4 C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo: Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà MC Dougall Phuong Y trình bày:

Vào tháng 7/2017, vợ ông G MC Dougall là bà MC Dougall Phuong Y – Việt kiều Úc gặp lại em vợ là bà Nguyễn Thị Thùy D2 và con gái là Trần Thị Thu T. Chị em lâu ngày gặp nhau, qua thăm hỏi bà M biết được đời sống cơ cực của anh chị em ở Việt Nam, hiện sống lang thang không có nhà ở nên bà MC D có ý muốn giúp đỡ các anh chị em trong gia đình, bà MC Dougall Phuong Y có hứa với bà D2 là sẽ chuyển tiền về Việt Nam để các con của bà D2 là bà Trần Thị Thu T và Trần Tiến T1 mua nhà cho các anh chị em trong gia đình về ở và sinh sống. Cũng vào thời gian này, bà D2 có nói với bà MC Dougall Phuong Y là đang tìm mua được 01 miếng đất cất được 02 căn nhà cho các anh chị em trong gia đình ở, bà D2 có gửi cho vợ chồng ông G MC Dougall và bà MC Dougall P Yen giấy đặt cọc mua miếng đất này. Ngoài ra, bà D2 còn nói với bà MC Dougall Phuong Y về việc mua 02 căn hộ chung cư cho 02 người chị của bà MC Dougall Phuong Y1. Do tin tưởng vào lời nói của bà D2 và các con bà D2 về việc hứa mua nhà đất cho các anh chị em trong gia đình nên bà MC Dougall Phuong Y có nói với chồng là ông G MC Dougall gửi tiền về Việt Nam cho ông Trần Tiến T1 qua số tài khoản 9220240099001 và bà Trần Thị Bích T3 qua số tài khoản 905034519900002 tại Ngân hàng TMCP N – Phòng G1 Chi nhánh T5. Cụ thể như sau:

Số thứ tự	Người nhận	Ngày/tháng/năm nhận tiền	Số tiền AUD (đô la Úc)
1	Trần Tiến Trọng	27/7/2017	2.000
2	Trần Tiến Trọng	20/02/2018	200.000
Tổng cộng	Trần Tiến Trọng		202.000

Số thứ tự	Người nhận	Ngày/tháng/năm nhận tiền	Số tiền AUD (đô la Úc)
1	Trần Thị Thu Thủy	15/8/2017	200
2	Trần Thị Thu Thủy	16/8/2017	1.200
3	Trần Thị Thu Thủy	12/11/2017	500
4	Trần Thị Thu Thủy	28/11/2017	500
5	Trần Thị Thu Thủy	11/12/2017	300
6	Trần Thị Thu Thủy	03/01/2018	500
7	Trần Thị Thu Thủy	29/01/2018	1.000
8	Trần Thị Thu Thủy	20/02/2018	100.000
9	Trần Thị Thu Thủy	06/3/2018	5.000
10	Trần Thị Thu Thủy	24/3/2018	600
11	Trần Thị Thu Thủy	26/3/2018	1.000
12	Trần Thị Thu Thủy	03/4/2019	800
13	Trần Thị Thu Thủy	20/4/2018	1.000
14	Trần Thị Thu Thủy	04/5/2018	300
15	Trần Thị Thu Thủy	28/5/2018	2.000
Tổng cộng	Trần Thị Thu Thủy		114.900

Như vậy, trong 02 năm 2017 và 2018, ông T1 đã nhận số tiền là 202.000 AUD và bà T3 đã nhận số tiền là 114.900 AUD từ ông G MC Dougall chuyển về.

Ngày 29/5/2018, khi bà MC Dougall Phuong Y1 về Việt Nam mới biết giấy tờ đặt cọc mua nhà đất mà mẹ con bà D2 gửi qua là giấy tờ giả, họ đã lừa dối và không thực hiện việc mua nhà đất như đã hứa với bà MC Dougall Phuong Y1.

Do đó, ông G MC Dougall khởi kiện yêu cầu ông T1 trả lại cho ông số tiền là 202.000 AUD (đô la Úc) tương đương 3.347.544.000 VNĐ (đồng Việt Nam) và bà T3 trả lại cho ông số tiền là 114.900 AUD (đô la Úc) tương đương 1.904.122.800 VNĐ (đồng Việt Nam).

Bị đơn bà Trần Thị Thu T, ông Nguyễn Tiên T4 có người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà T, ông T4 thừa nhận có nhận tiền từ tài khoản của ông G MC D (chồng bà Mc D3 Phuong Yen) đúng theo nội dung mà nguyên đơn đã khởi kiện, cụ thể là ông Trần Tiến T1 đã nhận số tiền: 202.000 AUD (đô la Úc) và bà Trần Thị Thu T đã nhận số tiền: 114.900 AUD (đô la Úc).

Theo ý kiến của bà Mc Dougall Phuong Y2 (dì thứ 9 của ông T1, bà T) thì số tiền gửi về nhằm mục đích giúp đỡ những người thân trong gia đình của bà MC Dougall Phuong Y1 (anh chị em ruột, con cháu của bà MC Dougall Phuong Y1). Trong những khoản tiền này có sử dụng để mua các vật dụng gia đình cho dì, cậu, cháu (việc mua sắm này ông T1 có ghi lại sổ sách, chứng từ và được các dì, cậu, cháu làm chứng). Ngoài ra, tin nhắn qua viber giữa bà Mc D3 Phuong Yen với bà T cũng thể hiện rõ nội dung chỉ cho người thân trong gia đình của bà Mc Dougall

P1 Yen theo ý kiến của bà Mc D3 Phuong Yen, sau khi chi cho những người thân trong gia đình thì số tiền dư còn lại là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng) là cho ông T1 và bà T. Việc cho tiền này là cho chung không xác định được mỗi người nhận bao nhiêu tiền. Hiện tại, số tiền này ông T1 bà T đã sử dụng hết. Cuối năm 2018 phía bà M có họp gia đình để đòi lại số tiền này và nộp đơn tố cáo ông T1 bà T chiếm đoạt số tiền nêu trên nhưng không có đủ tài liệu chứng cứ nên Cơ quan điều tra Công an Thành phố H kết thúc vụ việc.

Bà T, ông T1 khẳng định việc sử dụng số tiền mà ông G MC Dougall chuyển về hoàn toàn là theo ý kiến của bà Mc D3 Phuong Yen cho anh chị em trong gia đình và cho ông bà nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G MC Dougall.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mc D3 Phuong Yen trình bày:

Toàn bộ số tiền do chồng bà là ông G MC Dougall gửi từ Úc về Việt Nam cho ông Trần Tiến T1 (202.000 AUD) qua số tài khoản 9220240099001 và bà Trần Thị Thu T (114.900 AUD) qua số tài khoản 905034519900002 tại Ngân hàng TMCP N - Phòng G1 Chi nhánh T5 là tiền riêng của ông G MC Dougall, không liên quan đến bà. Do đó, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G MC Dougall và buộc ông T1, bà T có trách nhiệm trả lại cho chồng bà số tiền nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy D1 có người đại diện hợp pháp trình bày: Bà D1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông T1, bà T và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 808/2022/DS-PT ngày 28/7/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G MC Dougall:

1.1. Ông Trần Tiến T1 có trách nhiệm trả cho ông G MC Dougall số tiền 3.244.524.000 (Ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

1.2. Bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông G MC Dougall số tiền 1.845.523.800 (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/8/2022 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết đúng đắn vụ án. Trong các phiếu chuyển tiền có ghi mục đích “chuyển tiền phi thương mại”, và “vì mua tài sản” chứ không

có khoản nào là mua nhà, đất như nguyên đơn đề cập. Trong số tiền đã chuyển về, chính bà MC Dougall Phuong Y1 đã tự rút ra 1,6 tỷ đồng để tự sử dụng, số tiền còn lại đã được phân phát cho các chị em của bà MC Dougall Phuong Y để giúp đỡ chi trả tiền trị bệnh, chi tiêu và mua sắm vật dụng trong cuộc sống theo đúng ý nguyện của bà M nay lại bảo là tiền của nguyên đơn gửi về mua nhà đất là không có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là chưa đúng thực tế.

Án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi tổ chức đối chất nhiều lần nhưng nội dung nào không có lợi cho nguyên đơn thì bị bỏ qua. Việc quy đổi tiền theo giá trị Việt Nam đồng ở thời điểm xét xử mà không lấy tỷ giá ở thời điểm nhận tiền là không phù hợp quy định, thiệt thòi cho bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phản bác toàn bộ nội dung phía bị đơn trình bày, do ông T1, bà T đã không trung thực khi tự ý sử dụng những khoản tiền đã nhận mà không thực hiện mua nhà ở như yêu cầu của bà MC Dougall Phuong Y1 nên nay phải hoàn trả lại cho nguyên đơn. Yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã chuyển tiền về Việt Nam qua tài khoản của ông T1, bà T nhằm mục đích mua nhà cho anh chị em bà MC Dougall Phuong Y có nơi ăn chốn ở như ý chí của bà MC Dougall Phuong Y chứ không cho tiền để sinh hoạt, tiêu xài. Ông T1, bà T đã không thực hiện như đã trao đổi nên phải hoàn trả lại số tiền đã nhận. Án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, phù hợp thực tế và chứng cứ đã cung cấp. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chứng minh. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo còn trong thời hạn và hợp lệ.

Về nội dung: Các đương sự trình bày thống nhất về sự việc nguyên đơn chuyển tiền về Việt Nam qua tài khoản ngân hàng do bị đơn đứng tên, số tiền đã chuyển và thời gian chuyển tiền như án sơ thẩm đã xác định. Như vậy, phía bị đơn thừa nhận có nhận tiền của nguyên đơn nhưng về mục đích chi tiền như bị đơn trình bày không có sự đồng ý của nguyên đơn, kể cả bà MC Dougall Phuong Y1 cũng không thừa nhận nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo và tại phiên tòa yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xác minh, thu thập lại chứng cứ là không cần thiết. Ngoài ra không có tình tiết nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết ở tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về tố tụng dân sự, các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, đảm bảo quyền lợi tố tụng

của các đương sự. Tòa án sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Đòi lại tài sản*” và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài là đúng quy định.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nên đủ điều kiện để xét xử vắng mặt một số đương sự theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào các phiếu yêu cầu chuyển tiền Quốc tế tại Ngân hàng U, phiếu giao dịch chuyển tiền Western Union và bản sao kê tài khoản số 9220240099001 của ông Trần Tiến T1 và số tài khoản 905034519900002 của bà Trần Thị Thu T tại Ngân hàng TMCP N – Phòng G1 Chi nhánh T5 với tổng số tiền đã chuyển cho ông T1 là 202.000 AUD (đô la Úc) và bà T là 114.900 AUD (đô la Úc) để yêu cầu ông T1 và bà T trả lại các khoản tiền đã nhận như trên do mục đích chuyển tiền về cho các bị đơn là để mua nhà, đất cho các anh chị em của vợ nguyên đơn (bà MC Dougall Phuong Y1) tại Việt Nam có nơi ăn chốn ở. Tuy nhiên ông T1, bà T đã không sử dụng đúng mục đích.

Các tài liệu đã thu thập, lời khai của các đương sự trong giai đoạn giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm có những tình tiết phù hợp nhau là tổng số tiền nguyên đơn đã chuyển (có thời gian tương ứng cho từng đợt chuyển).

Tuy nhiên, về mục đích chuyển tiền, nguyên đơn và các bị đơn trình bày không thống nhất:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày các khoản tiền được chuyển do thỏa thuận của vợ là bà MC Dougall Phuong Y gửi về Việt Nam để các cháu mua giúp nhà, đất làm nơi ở cho các anh chị của vợ. Ngoài các phiếu chuyển tiền, nguyên đơn còn cung cấp các biên nhận đặt cọc đất do bị đơn chủ động gửi cho bà MC Dougall Phuong Y. Thực tế các bị đơn nhận tiền nhưng không mua nhà đất mà sử dụng riêng, biên nhận đặt cọc chỉ làm giả để bà M tin tưởng và báo ông MC D chuyển tiền về. Bà MC Dougall Phuong Y1 khẳng định số tiền đã chuyển là tài sản riêng của nguyên đơn.

Bị đơn thừa nhận có nhận số tiền trên và cho rằng nguyên đơn gửi tiền về theo yêu cầu của MC Dougall Phuong Y để chi giúp đỡ những người thân bên vợ, số tiền còn lại 1.500.000.000 đồng là nguyên đơn cho bị đơn, đồng thời cung cấp bảng kê chi tiết các khoản chi theo ý kiến của bà MC Dougall Phuong Y1. Tuy nhiên, lời trình bày này và bảng kê không được bà M xác nhận mà bà cho rằng khoản tiền trên là tài sản riêng của nguyên đơn.

Xét các bị đơn đã thừa nhận có nhận đúng khoản tiền như nguyên đơn yêu cầu trả, tại các nội dung ghi kèm phiếu chuyển tiền có phiếu thể hiện là tiền mua đất, không có khoản chuyển nào về Việt Nam cho bị đơn ghi là quà tặng hoặc chi phí dùng cho sinh hoạt nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Án sơ thẩm đã tuyên xử đúng pháp luật và thực tế.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Các bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do tiền được nguyên đơn chuyển về theo yêu cầu của vợ là bà MC Dougall Phuong Yen gửi về Việt Nam đã được phân chia và mua

sắm vật dụng cho những người thân của bà MC Dougall P Yen theo ý muốn của bà nên yêu cầu không buộc bị đơn phải trả lại tiền cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, các bị đơn không xuất trình thêm chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông G MC Dougall:

1. Ông Trần Tiến T1 có trách nhiệm trả cho ông G MC Dougall số tiền 3.244.524.000 (Ba tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

2. Bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm trả cho ông G MC Dougall số tiền 1.845.523.800 (Một tỷ tám trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông G MC Dougall cho đến khi thi hành án xong thì ông T1, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Tiến T1, bà Trần Thị Thu T mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tổng cộng 600.000 đồng theo các Biên lai thu số 0002927 ngày 19 tháng 8 năm 2023 và 0002941 ngày 23 tháng 8 năm 2023. Các đương sự đã thực hiện xong.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ